

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Thị Dung.

2/ Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 221/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/4/2022 và trong quá trình tố tụng anh Nguyễn Hoàng T trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Diệu đăng ký kết hôn vào ngày 12/6/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân (Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh). Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau khi sinh con khoảng 03 tháng thì chị Diệu về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Anh xuống kêu chị về nhưng chị Diệu

không về mà nói “ly hôn đi”. Tháng 01/2021 anh rước con về sống với anh, từ đó đến nay chị Diệu cũng không hỏi thăm gì đến con. Chị Diệu không nói nguyên nhân không muốn chung sống với anh nhưng theo anh hiểu thì chị Diệu cho rằng anh bỏ bê, đi làm 02-03 ngày mới về 01 lần. Bản thân anh muốn hàn gắn với chị Diệu nhưng nhiều lần chị Diệu không có thiện chí hàn gắn. Từ khi anh rước con về nhà anh vào tháng 01/2021 thì chị Diệu cũng không quan tâm gì tới nên anh nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị Diệu không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn.

Con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Sang, sinh ngày 28/7/2019 hiện anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Diệu cấp dưỡng.

Tài sản chung không có, nợ chung: không có.

* Bị đơn chị Lê Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Vụ án có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục. Đối với đương sự, nguyên đơn anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn chị D vắng mặt không lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T, chị D là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh T và chị D có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân (Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 12/6/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh T và chị D xảy ra mâu thuẫn và hai bên không thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Anh T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/7/2019, chị D không tranh chấp nuôi con. Căn cứ, Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu ly hôn với chị D. Giao cháu Sang cho anh T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị D được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T, chị D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân (Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 12/6/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do anh T và chị D không có sự thương yêu, quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Thời gian sống ly thân, đôi bên cũng không có thiện chí hàn gắn. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị D; riêng chị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc chị D tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của anh T. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị D không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị D.

[2] Về con chung: Anh T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/7/2019; chị D không tranh chấp nuôi con. Do đó, giao cháu Sang cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Hoàng T phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng T đối với chị Lê Thị D.

2. Con chung: Anh Nguyễn Hồng T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/7/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Lê Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị D có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Hoàng T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 00003937 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí anh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND phường Linh Xuân (Thủ Đức-TP Hồ Chí Minh);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

